

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2017

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Văn Khuyển

2/ Bà Trương Thị Lý

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Duyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 12/7/2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 103/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2017 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXX-ST ngày 16/6/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T -SN: 1991 (có mặt)

Bị đơn: Anh Trương Đăng L -SN: 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã L , huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Chị Lê Thị T trình bày:

Chị T với Anh Trương Đăng L sống chung với nhau từ năm 2007, việc sống chung do hai bên tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, anh L không quan tâm, chăm sóc gia đình, mọi việc trong gia đình vợ chồng không thống nhất được, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hiện hai người đã sống ly thân với nhau. Nay, Chị T yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về việc nuôi con: Anh chị có 01 người con chung tên: Trương Duy P - SN: 2008, sau khi ly hôn việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Anh Trương Đăng L vắng mặt nên không có bản lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy,

[1] Đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp ly hôn”, các bên đương sự hiện cư trú tại Thôn 5, xã L , huyện P. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Anh Trương Đăng L vắng mặt, nhưng trước đó tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh vẫn không có mặt để tham gia tố tụng, nên được xem như anh từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại tòa. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Lê Thị T cho rằng, trong thời gian chung sống nguyên đơn và bị đơn tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, hai bên thường hay gây gổ nên mâu thuẫn ngày một trầm trọng. Xét thấy, Chị T và anh L sống chung với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, nên đây là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập anh L đến tòa để tham gia phiên hòa giải nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt, hơn nữa theo lời trình bày của nguyên đơn hiện anh chị đã sống ly thân với nhau và tại phiên tòa Chị T vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh L . Do vậy, xét thấy tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Chị T là phù hợp.

[3] Về việc nuôi con: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu tòa án giải quyết việc nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Lê Thị T .

1/ Về quan hệ Hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với Anh Trương Đăng L .

2/ Về việc nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 025804 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn Chị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND huyện Phú Riềng;
- CC THA DS huyện Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Dương